

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 208/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Trọng A, sinh năm 1960

Hộ khẩu thường trú: 195/9/14 Hoàng Văn B, phường C, thành phố D, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Chùa X, xã Y, thành phố V, tỉnh T.

2. Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: 195/9/14 Hoàng Văn B, phường B, thành phố C, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Trọng A và bà Trần Thị Thanh N đang thực tế sinh sống tại thành phố D nên yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn của ông A và bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung yêu cầu:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Trọng A và bà Trần Thị Thanh N thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng A và bà Trần Thị Thanh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Trọng A và bà Trần Thị Thanh N có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20-9-1987 và Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 28-4-1990. Ngoài ra ông A và bà N không có con nuôi. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên ông A và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung : Ông Nguyễn Trọng A và bà Trần Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Trọng A và bà Trần Thị Thanh N mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Ông A đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008383 và bà N đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008384 cùng ngày 09-03-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh T. Ông A, bà N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND p. Thắng Nhì; Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

